

Bản án số: 36/2020/HSST  
Ngày: 28/9/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Vinh Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Thu Diệp và ông Lê Anh Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tham gia phiên tòa:** Ông Trương Phước Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Lê Thị Kiều V;** sinh ngày 26/02/1998 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: TDP Tráng Lực, thị trấn S, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lê Viết Cư và bà Nguyễn Thị Thuận;

Chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/3/2020, có mặt.

**2. Nguyễn Hữu Đ;** sinh ngày 06/6/1986 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn 9, xã Pơ Drang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Hữu Châu và bà Nguyễn Thị Hà;

Có vợ: Mai Thị Thúy Hiền và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/3/2020, có mặt.

**3. Trần Hữu T;** sinh ngày 02/9/1951 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn Giáp Trung, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh TT. Huế;

Nghề nghiệp: Nông dân; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Hữu Trác (đã chết) và bà Dương Thị Chì (đã chết);

Có vợ: Nguyễn Thị Ri và có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2020, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Kiều V:* Ông Lê Hồng Sơn- Luật sư Công ty Luật FDVN - Chi nhánh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: 336 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị Thu Th; sinh năm 1988; trú tại: Tổ dân phố Uất M, thị trấn S, huyện Quảng Đ, tỉnh TT. Huế. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967; trú tại: Tổ dân phố Uất M, thị trấn S, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đức H, sinh ngày 22/02/1974; trú tại: Thôn Giang H, xã Tam G, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (chủ sở hữu xe khách giường nằm biển kiểm soát 47B-00776). Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Hùng:* Anh Hoàng Tăng K, sinh ngày 26/9/1984; trú tại: Thôn Giang B, xã Tam G, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Ông Lê Viết C, sinh năm 1967; trú tại: TDP Tráng L, thị trấn S, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế (bố bị cáo Lê Thị Kiều V, chủ xe mô tô BKS: 75E1-183.xx). Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn H, sinh ngày 17/02/1995; trú tại: Thôn Mỹ Th, xã Quảng L, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đăng Th, sinh năm 1972; trú tại: Thôn Giáp Tr, xã Hương T, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1955; trú tại: Thôn Giáp Tr, xã Hương T, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1977; trú tại: Tổ dân phố 5, phường Thủy Ch, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 15 tháng 5 năm 2018, Lê Thị Kiều V đã có giấy phép lái xe mô tô hợp lệ (hạng A1) trực tiếp điều khiển xe mô tô BKS: 75E1-183.08 phía sau chở chị Nguyễn Thị Thu Th (SN: 1998, trú tại thị trấn S, huyện Quảng Đ, tỉnh TT- Huế) chạy trên đường Tỉnh lộ 19, theo hướng từ TP. Huế - huyện Quảng Đ. Khi đến Km 6+300 tỉnh lộ 19, thuộc xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh TT-Huế gặp đoạn đường được rải thảm nhựa, phẳng, mặt đường rộng 11m00 được chia làm 2 làn đường (có vạch kẻ đường đứt quãng phân chia làn đường ở giữa), mỗi làn rộng 5m50, hai bên mép đường có người dân phơi lúa (làn bên phải hướng Huế - Quảng Đ bề rộng phơi lúa là 3m40, làn bên trái bề rộng lúa phơi là 2m90), độ dày của lớp lúa phơi trên mặt đường khoảng 12-15 cm. Lê Thị Kiều V điều khiển xe chạy với tốc độ khoảng 40 km/giờ, cách mép lúa ngoài cùng khoảng 0,5-1m. Lúc này Vân quan sát thấy phía trước ngược chiều cách khoảng 20m có 01 chiếc xe ô tô khách BKS: 47B-007.76 do Nguyễn Hữu Đ, có giấy phép lái xe ô tô hợp lệ hạng E điều khiển đang chạy đến. Do hai bên đường người dân phơi lúa nên Đức đi xe ra giữa đường và lấn sang phần đường ngược chiều (từ 1-1m50) với tốc độ khoảng 50km/giờ. Khi xe mô tô của Lê Thị Kiều V chạy đến cách đầu xe ô tô của Đức khoảng 3-5m, do sợ xảy ra va chạm với xe ô tô nên Vân đi xe mô tô chạy về phía bên phải và đi lên phần đường có lúa do ông Trần Hữu T phơi với bề rộng lúa là 3m40, do mặt đường trơn trượt (do lúa) nên Vân để xe mô tô ngã về bên trái ra phía giữa đường làm chị Thảo ngồi phía sau cũng bị ngã xuống đường. Cùng lúc này xe ô tô khách BKS: 47B-007.76 vừa đi qua dẫn đến lớp sau bên trái của xe va chạm vào người chị Thảo gây tai nạn giao thông. Hậu quả: Chị Nguyễn Thị Thu Th bị thương tích nặng cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Trung ương Huế từ ngày 15/5/2018 đến ngày 04/10/2018 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định số: 391-18/TgT ngày 13/11/2018, Trung tâm pháp y tỉnh TT-Huế kết luận tỷ lệ thương tích (tổn hại sức khỏe) của chị Nguyễn Thị Thu Th như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Chấn thương sọ não nặng diện khuyết 13x12cm, mất đồng bộ điện não: 51%.

Chấn thương gãy cổ xương đùi, tiêu chỏm đã thay chỏm:35%.

2. Tỷ lệ tổn thương chung cơ thể hiện tại là: 69% (Sáu mươi chín phần trăm).

3. Vật gây: Vật tày. Thương tích được hình thành do va đập, chèn ép bề gấp gây nên./.

Tại Công văn số 14 ngày 17/10/201 Trung tâm pháp y tỉnh TT-Huế trả lời cụ thể về cơ chế hình thành thương tích đối với từng thương tích của chị Nguyễn Thị Thu Th như sau:

1. Thương tích chấn thương sọ não khuyết sọ (do phẫu thuật khoan sọ lấy nắp sọ, lấy máu tụ). Thương tích này được tạo nên là do va đập với lực mạnh gây nên khi nạn nhân tự ngã (ngã về phải tụ máu ở vùng thái dương trán trái là do va đập kiểu lực sóng vỗ tạo nên) ở thời điểm hiện tại khuyết sọ do phẫu thuật cắt nắp sọ chúng tôi xếp tỷ lệ 51%. Tỷ lệ này có thể thay đổi khi được đặt lại nắp sọ.

2. Thương tích vùng cổ xương đùi phải, tiêu chõm đã thay chõm: 35%. Thương tích tạo nên là do nạn nhân ngã văng về bên phải khi rơi và cộng thêm lực quán tính, tính trọng lực nên đã bẻ gãy chõm xương đùi phải.

Ngày 23/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hương Trà ra Quyết định số 93 trưng cầu Phân viện Khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định dấu vết hoa chất bám dính màu đen trên mặt trước ống quần bên phải của quần jean nữ màu xanh thu của nạn nhân Nguyễn Thị Thu Th có phải là cao su không? Chất màu trắng bám dính tại vết nứt vỡ ở phía sau bên phải của mũ bảo hiểm màu hồng có cùng loại với mẫu sơn màu trắng bạc thu tại Larăng ngoài lớp sau bên trái xe ô tô BKS 47B-007.76 (ký hiệu S2).

- Tại bản kết luận số: 365/C54(Đ5) ngày 31/5/2020, Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận như sau:

Chất bám dính màu đen trên mặt trước ống quần bên phải của quần jean nữ màu xanh ghi thu của nạn nhân Nguyễn Thị Thu Th gửi giám định lẫn nhiều tạp chất nên không đủ yếu tố giám định.

Chất màu trắng bám dính tại vết nứt vỡ ở phía sau bên phải của mũ bảo hiểm màu hồng ghi thu của nạn nhân Nguyễn Thị Thu Th gửi giám định không cùng loại với mẫu sơn màu trắng bạc ghi thu tại mặt ngoài la răng ở lớp ngoài phía sau bên trái xe ô tô BKS 47B-007.76 (ký hiệu S2) gửi làm mẫu so sánh.

Ngày 23/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hương Trà ra Quyết định số 94 trưng cầu Phân viện Khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định dấu vết tơ vải sợi thu tại mặt ngoài lớp sau bên trái xe ô tô BKS 47B-007.76 (ký hiệu M1) có cùng loại với xơ sợi dệt vải quần jean nữ màu xanh thu của nạn nhân Nguyễn Thị Thu Th không?

- Tại bản kết luận số: 365/C54(Đ5) ngày 31/5/2020, Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận như sau: Mẫu xơ sợi vải thu tại mặt ngoài lớp sau bên trái xe ô tô BKS 47B-007.76 cùng loại với xơ sợi dệt vải quần thu của Nguyễn Thị Thu Th.

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn là tại Km 6+ 300 tỉnh lộ 19, thuộc địa phận xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh TT. Huế, đoạn đường được rải thảm nhựa, thẳng, phẳng, mặt đường rộng 11m00 được chia làm 2 làn đường (có vạch kẻ phân làn đường ở giữa), mỗi làn rộng 5m50. Khi xảy ra tai nạn, đoạn đường này người dân đang phơi lúa (làn bên phải hướng Huế - Quảng Đ bề rộng phơi lúa là 3m40, làn bên trái bề rộng lúa phơi là 2m90). Ở hai đầu đoạn đường nơi xảy ra tai nạn có đặt biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên.

Lấy tâm đường về thôn Giáp Đông, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh TT. Huế làm mốc và chọn mép đường phải hướng Huế - Quảng Đ tiến hành khám nghiệm, xác định được khi đến địa điểm trên xe mô tô BKS 75E1-183.08 đã phanh tự ngã gây tai nạn làm cho người ngồi sau xe mô tô ngã ra đường và va vào lớp sau bên trái xe ô tô 47B-007.76. Không có căn cứ để xác định vùng va chạm giữa xe ô tô 47B-007.76 và nạn nhân.

**Vật chứng vụ án thu giữ:**

- 01 xe ô tô BKS 47B-007.76;
- 01 giấy phép lái xe ô tô hạng E mang tên Nguyễn Hữu Đ;
- 01 xe mô tô BKS 75E1-183.08;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Viết Cự;
- 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lê Thị Kiều V.

Ngày 30/5/2018 và ngày 08/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hương Trà đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại 01 xe ô tô BKS 47B-007.76 cho ông Hoàng Tăng K, trả lại 01 xe mô tô BKS 75E1-183.08 và giấy đăng ký xe cho ông Lê Viết Cự, trả lại 01 giấy phép lái xe hạng E cho Nguyễn Hữu Đ.

Cơ quan điều tra tiếp tục thu giữ 01 giấy phép lái xe hạng A1 của Lê Thị Kiều V.

**Về dân sự:**

Sau khi tai nạn xảy ra, Lê Thị Kiều V và gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình chị Nguyễn Thị Thu Th số tiền 65.000.000 đồng; Nguyễn Hữu Đ và chủ xe ô tô BKS 47B-007.76 bồi thường 41.000.000 đồng, ông Trần Hữu T bồi thường 2.500.000 đồng. Ông Nguyễn Đình T, đại diện theo ủy quyền của gia đình chị Nguyễn Thị Thu Th đã nhận đủ số tiền, không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho Lê Thị Kiều V, Nguyễn Hữu Đ và Trần Hữu T.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 11/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Lê Thị Kiều V, Nguyễn Hữu Đ về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Trần Hữu T về tội: “Cản trở giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 261 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 đối với riêng bị cáo Vân; Điều 36 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Lê Thị Kiều V từ 07 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.
- Bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 07 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 261; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Trần Hữu T từ 06 đến 08 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo Lê Thị Kiều V Giấy phép lái xe.

Các bị cáo Lê Thị Kiều V, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu T thừa nhận hành vi đã thực hiện như cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Kiều V với nội dung thống nhất như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm a khoản 1 Điều 51, vì bị cáo Vân đã cùng đưa bị hại đi cấp cứu. Bị cáo có nhân thân tốt, là sinh viên được sĩ xuất sắc toàn khóa học, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị cho bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 29 Bộ luật hình sự hoặc mức án nhẹ nhất để bị cáo có thể sớm hòa nhập cộng đồng,

Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đặc biệt đối với bị cáo Vân, tha thiết đề nghị Hội đồng có thể miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã Hương Trà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở lời khai của bị cáo, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 11 giờ 55 phút ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại Km 6+300 Tỉnh lộ 19, thuộc địa phận xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh TT. Huế, Lê Thị Kiều V, có giấy phép lái xe mô tô hợp lệ (hạng A1) điều khiển xe mô tô BKS 75E1-183.08, phía sau chở chị Nguyễn Thị Thu Th chạy theo hướng TP. Huế - Quảng Đ. Lúc này Vân quan sát thấy phía trước ngược chiều cách khoảng 20m có 01 chiếc xe ô tô khách BKS 47B-007.76 do Nguyễn Hữu Đ, có

giấy phép lái xe ô tô hợp lệ hạng E điều khiển đang chạy đến. Do hai bên đường người dân phơi lúa nên Đức đi xe ra giữa đường và lấn sang phần đường ngược chiều (từ 1-1m50) với tốc độ khoảng 50km/giờ. Khi xe mô tô của Lê Thị Kiều V chạy đến cách đầu xe ô tô của Đức khoảng 3-5m, do sợ xảy ra va chạm với xe ô tô nên Vân đi xe mô tô chạy về phía bên phải và đi lên phần đường có lúa do ông Trần Hữu T phơi với bề rộng lúa là 3m40, do mặt đường trơn trượt (do lúa) nên Vân để xe mô tô ngã về bên trái ra phía giữa đường làm chị Thảo ngồi phía sau cũng bị ngã xuống đường. Cùng lúc này xe ô tô khách BKS 47B-007.76 vừa đi qua dẫn đến lớp sau bên trái của xe va chạm vào người chị Thảo gây tai nạn giao thông. Hậu quả gây thương tích cho chị Nguyễn Thị Thu Th với tỷ lệ tổn thương cơ thể 69%.

Nguyên nhân của vụ tai nạn là lỗi hỗn hợp. Lỗi chính thuộc về bị cáo Lê Thị Kiều V là điều khiển xe mô tô đi không giảm tốc độ thấp hơn tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) tại đoạn đường có biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên, khi tránh xe đi ngược chiều gây tai nạn giao thông, vi phạm Điều 12 Luật GTĐB; khoản 1, khoản 8 Điều 5 Thông tư số: 91/2015/BGTVT quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới.

Ngoài ra lỗi còn do Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe ô tô đi không đúng phần đường quy định, không giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) tại đoạn đường có biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên, khi tránh xe đi ngược chiều, vi phạm khoản 1 Điều 9, Điều 12 Luật GTĐB; khoản 1, khoản 8 Điều 5 Thông tư số 91/2015/BGTVT quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, gây tai nạn giao thông.

Về phần lỗi của Trần Hữu T là có hành vi phơi lúa lấn chiếm lòng đường (bề mặt phơi lúa rộng 3m40), gây cản trở cho các phương tiện tham gia giao thông đường bộ, dẫn đến việc Lê Thị Kiều V tránh xe ngã đã vi phạm khoản 3 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 35 Luật GTĐB.

[3] Các bị cáo Lê Thị Kiều V, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ gây hậu quả nghiêm trọng, làm 01 người bị thương với tỷ lệ tổn hại sức khỏe 69% nên Lê Thị Kiều V, Nguyễn Hữu Đ đã phạm vào tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 BLHS; Trần Hữu T đã phạm vào tội “Cản trở giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 261 BLHS.

Do vậy, bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 11/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Thị Kiều V, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu T đều có nhân thân tốt, không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người đại diện hợp pháp của bị hại

xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; bị cáo Vân đạt danh hiệu sinh viên xuất sắc toàn khóa học, có ông nội là liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu do vô ý, có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội thì các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo. Do đó, căn cứ theo Điều 36 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo Lê Thị Kiều V, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu T có đủ điều kiện được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Hội đồng xem xét thêm cho bị cáo Vân là kịp thời đưa bị hại đi cấp cứu, bản thân bị cáo thường xuyên lui tới, có trách nhiệm với gia đình bị hại, thể hiện rõ thái độ ăn năn hối cải; nên có thể xử phạt các bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát để thể hiện rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thị Kiều V và gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình chị Nguyễn Thị Thu Th số tiền 65.000.000 đồng; Nguyễn Hữu Đ và chủ xe ô tô BKS 47B-007.76 bồi thường 41.000.000 đồng, ông Trần Hữu T bồi thường 2.500.000 đồng. Ông Nguyễn Đình T, đại diện theo ủy quyền của gia đình chị Nguyễn Thị Thu Th đã nhận đủ số tiền, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Ngày 30/5/2018 và ngày 08/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hương Trà đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại 01 xe ô tô BKS 47B-007.76 cho ông Hoàng Tăng K, trả lại 01 xe mô tô BKS 75E1-183.08 và giấy đăng ký xe cho ông Lê Viết Cư, trả lại 01 giấy phép lái xe hạng E cho Nguyễn Hữu Đ.

Hiện còn tạm giữ 01 giấy phép lái xe hạng A1 của Lê Thị Kiều V. Cần trả lại cho bị cáo Vân.

[9] Về án phí: Các bị cáo Lê Thị Kiều V, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Kiều V, Nguyễn Hữu Đ phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; bị cáo Trần Hữu T phạm tội “Cản trở giao thông đường bộ”;



## 2. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 đối với riêng bị cáo Vân; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều V 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Pơ Drang, huyện Krông buk, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 261; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thị Kiều V cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; giao bị cáo Nguyễn Hữu Đ cho Ủy ban nhân dân xã Pơ Drang, huyện Krông buk, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Trần Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự 2019.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Cho các bị cáo được miễn việc khấu trừ thu nhập.

## 3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả cho Lê Thị Kiều V 01 (một) giấy phép lái xe ô tô hạng A1, mang tên Lê Thị Kiều V.

*(Vật chứng trên có đặc điểm như miêu tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/9/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Trà với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà).*

## 4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ

phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Thị Kiều V, Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT.Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT.Huế;
- VKSND thị xã Hương Trà;
- CA thị xã Hương Trà;
- CC. THA DS TX. Hương Trà;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hồ Vinh Phú**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN  
TOÀ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Hồ Vinh Phú**

**Nơi nhận:**  
**THẨM**

- TAND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- VKSND thị xã Hương Trà;
- Công an thị xã Hương Trà (02 bản);
- Chi cục THADS thị xã Hương Trà;
- Bị cáo; Đại diện HPBH, người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Vinh Phú**